TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 9 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hằng

Bà Trần Thị Bé Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 8 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 15/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2024 và Thông báo mở phiên tòa số 85/TB-TA ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé N, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực B, phường Bì, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu vực B, phường Bì, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 40-42-44, Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần N Minh – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hòa H – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ Ngân hàng T Có mặt.

Địa chỉ: Số 38-40, Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bé N trình bày: Năm 2020 chị N với anh Nguyễn Minh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

Về con chung: Chị N và anh Nguyễn Minh K có 01 con chung Nguyễn N K V (giới tính nữ), sinh ngày 17/5/2021, hiện nay cháu Vân đang sống chung với chị N nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh K có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh K có thế chấp xe vay tiền Ngân hàng T - Phòng giao dịch Long Mỹ số tiền 490.000.000 đồng. Chị N và anh K sẽ tự thỏa thuận việc trả nợ không yêu cầu giải quyết. Theo đơn khởi kiện chị N cho rằng vợ chồng có nợ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Long Mỹ số tiền 3.000.000.000 đồng là do chị N khai nhầm, chị N và anh K không có nợ Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Long Mỹ.

Ngày 23/9/2024, nguyên đơn Lê Thị Bé N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh K và cho rằng gia đình hai bên đã tạo điều kiện cho chị N và anh K đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Minh K trình bày: Anh K thừa nhận lời trình bày của chị Lê Thị Bé N về quan hệ hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên anh K thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Bé N.

Về con chung: Anh K đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn N K V (giới tính nữ), sinh ngày 17/5/2021. Việc cấp dưỡng nuôi con anh K và chị N sẽ thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K có thế chấp xe vay tiền của Ngân hàng T số tiền 490.000.000 đồng, phần nợ này anh K đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu chị N pH trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hòa H trình bày: Ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N có vay vốn tại Ngân hàng T – Phòng giao dịch Long Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021, số tiền vay 450.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 12,6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất lãi chậm trả 10%/năm. Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi hàng tháng. Trong quá trình vay vốn ông K và bà N vi phạm hợp đồng đã ký. Đến hạn thanh toán, Ngân hàng đã thông báo, nhắc nhở nhưng ông K và bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng T yêu cầu ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N pH thanh toán cho Ngân hàng số tiền 695.648.489 đồng tính đến ngày 30/9/2024. Trong đó vốn gốc là 490.000.000 đồng, lãi trong hạn là 135.997.161 đồng, lãi chậm trả 15.591.363 đồng, lãi quá hạn 54.059.965 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021 kể từ ngày 25/6/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Sau khi bản án quyết định có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N để thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé N yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Minh K.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T

Buộc anh Nguyễn Minh K và chị Lê Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 695.648.489 đồng tính đến ngày 30/9/2024. Trong đó vốn gốc là 490.000.000 đồng, lãi trong hạn là 135.997.161 đồng, lãi chậm trả 15.591.363 đồng, lãi quá hạn 54.059.965 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021 kể từ ngày 25/6/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Về án phí các đương sự pH chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Bé N và bị đơn Nguyễn Minh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và dành quyền kháng cáo cho họ theo luật định.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 chị Lê Thị Bé N có yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh K. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 23/9/2024 chị Lê Thị Bé N có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và cho rằng gia đình hai bên đã tạo điều kiện cho chị N và anh K đoàn tụ nên chị xin được rút lại yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Minh K. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của chị N là sự tự nguyện, không ai ép buộc, do đó Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Bé N.

[4] Về nợ chung: Chị N và anh K nợ Ngân hàng T số tiền 490.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021. Quá trình vay vốn chị N và anh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T yêu cầu chị N và anh K có nghĩa vụ trả lại số tiền vay. Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021, anh Nguyễn Minh K và chị Lê Thị Bé N có vay của Ngân hàng T số tiền 490.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 12,6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất lãi

chậm trả 10%/năm. Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi hàng tháng. Trong quá trình vay vốn anh K và chị N vi phạm hợp đồng đã ký, do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh K và bà Lê Thị Bé N trả lại số tiền 695.648.489 đồng tính đến ngày 30/9/2024. Trong đó vốn gốc là 490.000.000 đồng, lãi trong hạn là 135.997.161 đồng, lãi chậm trả 15.591.363 đồng, lãi quá hạn 54.059.965 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021 kể từ ngày 27/9/2024 cho đến ngày thanh toán hết nợ là có cơ sở để xem xét.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông K và bà N có thế chấp xe ô tô tải pick up cabin kép, biển số đăng ký 95C-060.03, nhãn hiệu FORD, số máy P4AT4273067, màu sơn Đen, sản xuất năm 2021 theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 141/21/HĐTC-MMTB/0901-5430 ngày 19/11/2021 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 141/21/HĐTC-MMTB/0901-5430-1 ngày 01/12/2021. Khi thế chấp xe ô tô thì Ngân hàng chỉ giữ giấy đăng ký xe ô tô của ông Nguyễn Minh K, không giữ xe ô tô. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp do chiếc xe ô tô không còn, mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang điều tra làm rõ nhưng được trả lời bằng văn bản số 57/HD-VPCQCSĐT ngày 10/12/2023. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 23/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T, ông Nguyễn Hòa H cho rằng chiếc xe ô tô hiện nay ông Nguyễn Minh K đã cầm cố cho tiệm cầm đồ Bình Thạnh (khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang) nên yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa và tiến hành xác minh đối với tài sản thế chấp trên. Theo biên bản xác minh ngày 09/9/2024, bà Lưu Nhật Phương Trâm chủ tiệm cầm đồ Bình Thạnh cung cấp thông tin *"Khoảng năm 2020 ông Nguyễn Minh K có đến gặp bà Trâm để thỏa thuận cầm chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển số 95C-060.03 nhưng theo bà Trâm biết là chiếc xe hiện nay đang thế chấp cho Ngân hàng T nên bà Trâm không thống nhất cầm cố... theo bà Trâm được biết ông K đã bán chiếc xe trên về Cần Thơ nhưng bán cho ai thì bà Trâm không rõ".*

Xét thấy, quá trình xác minh thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T không xác định được chiếc xe ô tô tải pick up cabin kép, biển số đăng ký 95C-060.03, nhãn hiệu FORD, số máy P4AT4273067, màu sơn Đen đang ở đâu, ai là người quản lý nên người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T, ông Nguyễn Hòa H không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp do đó Hội đồng xét xử không xem xét và sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé N và anh Nguyễn Minh K pH chịu số tiền 31.825.940 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 217, Điều 218, Điều 219 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sữa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé N về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Minh K.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T

2.1 Buộc chị Lê Thị Bé N và anh Nguyễn Minh K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 695.648.489 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng) tính đến ngày 30/9/2024. Trong đó vốn gốc là 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 135.997.161 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi mốt đồng), lãi chậm trả 15.591.363 đồng (mười lăm triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm sáu mươi ba đồng), lãi quá hạn 54.059.965 đồng (năm mươi bốn triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn Lê Thị Bé N, Nguyễn Minh K còn pH chịu lãi suất trên số tiền chưa trả cho Ngân hàng T theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo giấy đăng ký phát hành kiêm theo hợp

đồng tín dụng số 141/21/HĐTD/0901-5430 ngày 19/11/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng T

2.2 Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải pick up cabin kép, biển số đăng ký 95C-060.03, nhãn hiệu FORD, số máy P4AT4273067, màu sơn Đen, sản xuất năm 2021 theo hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 141/21/HĐTC-MMTB/0901-5430 ngày 19/11/2021 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 141/21/HĐTC-MMTB/0901-5430-1 ngày 01/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T ông Nguyễn Hòa H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi Ngân hàng T có yêu cầu.

3. Về án phí:

3.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Bé N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007578, lập ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bé N và anh Nguyễn Minh K pH chịu số tiền 31.825.940 đồng (ba mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng T có người đại diện ủy quyền ông Nguyễn Hòa H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.782.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007802 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã phường Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hằng - Trần Thị Bé Ba **Nguyễn Đình Tiến**